TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – CẦN THƠ** Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST. Ngày 22 – 7 – 2025. V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2025/TLST – HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2025, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu vực 6, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Nay là phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hiệp 2, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã Hỏa Lựu, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K chung sống với nhau từ năm 2014, có đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (nay là xã Hỏa Lựu, thành phố Cần Thơ). Thời gian đầu sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Xét thấy vợ chồng sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T (giới tính nữ), sinh ngày 01/6/2016 và Nguyễn Tấn P (giới tính nam), sinh ngày 17/4/2021, hiện con chung đang sống chung với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/5/2025, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K thuận tình ly hôn. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tấn P (giới tính nam), sinh ngày 17/4/2021 cho anh Nguyễn Văn K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T (giới tính nữ), sinh ngày 01/6/2016 cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến ngày 26/5/2025, chị Nguyễn Thị T có đơn thay đổi ý kiến, yêu cầu được nuôi hết 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Các vấn đề khác giữ nguyên theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/5/2025.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị T thay đổi yêu cầu trước đây, đồng ý giao con chung tên Nguyễn Tấn P (giới tính nam), sinh ngày 17/4/2021 cho anh Nguyễn Văn K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Các nội dung khác giữ nguyên như trước đây.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị Nguyễn Thị T đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Về con chung anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tấn P (giới tính nam), sinh ngày 17/4/2021; giao con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T (giới tính nữ), sinh ngày 01/6/2016 cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn K giữ nguyên ý kiến nêu trên.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị T đã nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn K (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); anh Nguyễn Văn K không có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K chung sống với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không phù hợp quan điểm trong cuộc sống, khi có mâu thuẫn anh chị đã không tạo điều kiện hàn gắn được mà mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Toà án cũng tạo điều kiện hoà giải nhưng cả hai bên đều thống nhất thuận tình ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K được ly hôn.

[2] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T (giới tính nữ), sinh ngày 01/6/2016 và Nguyễn Tấn P (giới tính nam), sinh ngày 17/4/2021, hiện 02 con chung đang sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị T. Xét thấy con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T hiện nay chưa thành niên nhưng đã đủ 07 tuổi, Tòa án đã lấy ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc Bảo T thì cháu muốn sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn; đối với cháu Nguyễn Tấn P hiện nay chưa đủ 07 tuổi nhưng đã trên 36 tháng tuổi, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K đều thống nhất giao con chung tên Nguyễn Tấn P cho anh Nguyễn Văn K được quyền nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T (giới tính nữ), sinh ngày 01/6/2016 cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Tấn P (giới tính nam), sinh ngày 17/4/2021 cho anh Nguyễn Văn K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị T chưa ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K đều khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T (giới tính nữ), sinh ngày 01/6/2016 cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Tấn P (giới tính nam), sinh ngày 17/4/2021 cho anh Nguyễn Văn K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị T chưa ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0001529 ngày 21/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Cần Thơ) thành án phí.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 11 – Cần Thơ;
- UBND xã Hỏa Lựu, TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Như Nguyện